

Số: 36/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 tỉnh Lào Cai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 32/2021/QH15 của Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12/11/2021 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết 40/2021/QH15 của Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 13/11/2021 về phân bổ ngân sách Trung ương năm 2022;

Sau khi xem xét Báo cáo số 655/BC-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 tỉnh Lào Cai như sau:

1. Mục tiêu chung

Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19, bảo vệ tối đa sức khỏe, tính mạng nhân dân, cùng với tập trung tận dụng tốt các cơ hội để thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội với các giải pháp tổng thể, kích thích nền kinh tế, hỗ trợ và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân, không để suy giảm các động lực tăng trưởng trong dài hạn. Tập trung triển khai tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2022. Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt và vượt kế hoạch so với mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đã nghị quyết. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, xây dựng

biên giới hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- (1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP): Trên 10%.
- (2) Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 13%; công nghiệp - xây dựng chiếm 45%; dịch vụ chiếm 33%; thuế sản phẩm chiếm 9%.
- (3) GRDP bình quân đầu người: 90 triệu đồng/năm.
- (4) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: 45.000 tỷ đồng.
- (5) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 9.500 tỷ đồng.
- (6) Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất canh tác: 88 triệu đồng.
- (7) Giá trị sản xuất công nghiệp (giá 2010): 46.000 tỷ đồng.
- (8) Tổng lượng khách du lịch đến địa bàn: 4 triệu lượt; doanh thu du lịch: 15.130 tỷ đồng.
- (9) Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ: 30.700 tỷ đồng; giá trị xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn: 4.400 triệu USD.
- (10) Tỷ lệ đô thị hóa: 30%.
- (11) Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia: 97,5%.
- (12) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia: 66%; tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục THPT và tương đương: 80%.
- (13) Số giường bệnh trên 1 vạn dân đạt: 44,4 giường bệnh; số bác sỹ trên một vạn dân: 13,5 bác sỹ; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể chiều cao trên tuổi: Dưới 31,5%; thể cân nặng trên tuổi: Dưới 15,9%.
- (14) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,2 %.
- (15) Tỷ lệ giảm hộ nghèo đa chiều bình quân năm: 4,5%/năm.
- (16) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 66,7%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 28,1%; Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp dưới 53%; tỷ lệ thất nghiệp 1,2%.
- (17) Tỷ lệ bao phủ BHYT: 88%.
- (18) Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá: 84%; Tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hoá: 77%.
- (19) Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới: 57%, tương ứng với số xã đạt 19 tiêu chí nông thôn mới: 72 xã.
- (20) Tỷ lệ che phủ rừng: 57,7%.
- (21) Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt tại các đô thị: 95%; Tỷ lệ lượng chất thải rắn sinh hoạt tại khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, xử lý: 76%.

(22) Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch: 91%; Tỷ lệ hộ nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 96%.

(23) Tỷ lệ thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đạt 100%; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đạt 65%.

(24) Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt xuất sắc trong thực hiện phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc: 80%

(25) Tỷ lệ giải quyết các vụ án: Trên 90%.

3. Giải pháp thực hiện:

Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành các nhiệm vụ, giải pháp như báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp sau đây:

a) Có biện pháp linh hoạt để chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện vẫn còn dịch bệnh. Thực hiện tốt công tác kiểm soát dịch bệnh để hoàn thành mục tiêu kép, vừa phòng chống dịch vừa phát triển kinh tế - xã hội.

b) Rà soát các khoản thu ngân sách trên địa bàn để xây dựng chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước hợp lý hơn, đảm bảo tỷ lệ huy động tối đa vào ngân sách. Trong đó dự địa tăng thu ở một số khoản như từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, hộ gia đình, cá nhân; từ thuế thu nhập cá nhân, từ việc khai thác danh lam, thắng cảnh để đầu tư của các tổ chức, cá nhân.

c) Có biện pháp cụ thể, tích cực hơn nữa để tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp và các dự án lớn đang gặp khó khăn trên địa bàn;

d) Đẩy nhanh tiến độ các dự án quan trọng của tỉnh. Tiếp tục đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện thi công, giải ngân và thanh quyết toán các công trình XD CB theo đúng kế hoạch.

đ) Rà soát, sắp xếp lại hệ thống trường, lớp; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; đẩy nhanh tiến độ xây dựng phòng học; các điều kiện đảm bảo nâng cao chất lượng dạy và học, đào tạo nghề và giải quyết việc làm. Đặc biệt là giải quyết việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số, các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19.

e) Quan tâm đầu tư hơn cho phát triển hệ thống y tế, từng bước đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân; Chú trọng công tác đảm bảo xã hội đối với người có công, người hưởng trợ cấp xã hội và trẻ em dưới 6 tuổi;

f) Tăng cường công tác quản lý các hoạt động văn hóa, đặc biệt là đối với các di sản văn hóa. Phát triển du lịch theo hướng bền vững.

g) Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành của các cấp, các ngành. Từng bước thúc đẩy phát triển chính quyền điện tử, kinh tế số, xã hội số.

h) Quan tâm hơn nữa đến người dân tộc thiểu số ở vùng đặc biệt khó khăn, ở những nơi dễ xảy ra nguy cơ lũ lụt, sạt lở đất. UBND tỉnh giao chỉ tiêu thực hiện các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số gắn với mục tiêu phát triển bền vững theo Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ để các đơn vị, địa phương thực hiện.

i) Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh; triển khai đồng bộ các giải pháp cải cách hành chính trong các cơ quan hành chính nhà nước.

k) Quan tâm hơn đến công tác tuyển dụng, sử dụng và thực hiện chế độ chính sách có liên quan đến cán bộ công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

l) Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý nhà nước về đất đai, an toàn thực phẩm, an ninh trật tự; đấu tranh, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về buôn lậu, gian lận thương mại, quản lý và bảo vệ rừng.

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khóa XVI - Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./. 

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu, UB TCNS của QH;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực VII;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT: HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Báo, Đài PTTH; Công báo, cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CT.HĐND.



CHỦ TỊCH



Vũ Xuân Cường